

Ngày 01.. tháng 02.. năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

- Mã chứng khoán: ACC
- Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại liên hệ: 0274.3567.200 Fax: 0274.3567.201
- E-mai: becamexacc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31../01../2024 thông qua Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01../02../2024 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Nghị quyết HĐQT ngày
31../01../2024.

CTY CPĐT VÀ XD BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN BẢO LONG

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 31/01/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Điều 2: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Phòng ban và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN BẢO LONG

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NIÊM YẾT TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Ban hành 31/01/2024



MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Tài liệu tham khảo
- Điều 3. Các chữ viết tắt
- Điều 4. Giải thích từ ngữ
- Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin
- Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Điều 7. Lưu đồ thực hiện
- Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

- Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan
- Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin
- Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm
- Điều 12. Triển khai thực hiện

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN (đính kèm)

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

370
C
C
TƯ
BẢN
N C

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Quản lý tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Tổ chức hành chính, Tổ thư ký.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Quy chế công bố thông tin kèm Quyết định số 21/QĐ-SGDVN);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
- SGDCKHCM/HOSE : Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- VSD : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- TGD : Tổng Giám đốc.
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.

- CĐL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- CTĐC : Công ty đại chúng.
- NY : Niêm yết
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.
- CTĐC QML : Công ty Đại chúng quy mô lớn.
- CTĐC NY : Công ty Đại chúng niêm yết.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của công ty* là:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCCKHCM hoặc ngày UBCKNN, SGDCCKHCM nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

8. *Người có liên quan*^[1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mỗi quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

- Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
- Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
- Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
- Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Hệ thống ECM, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

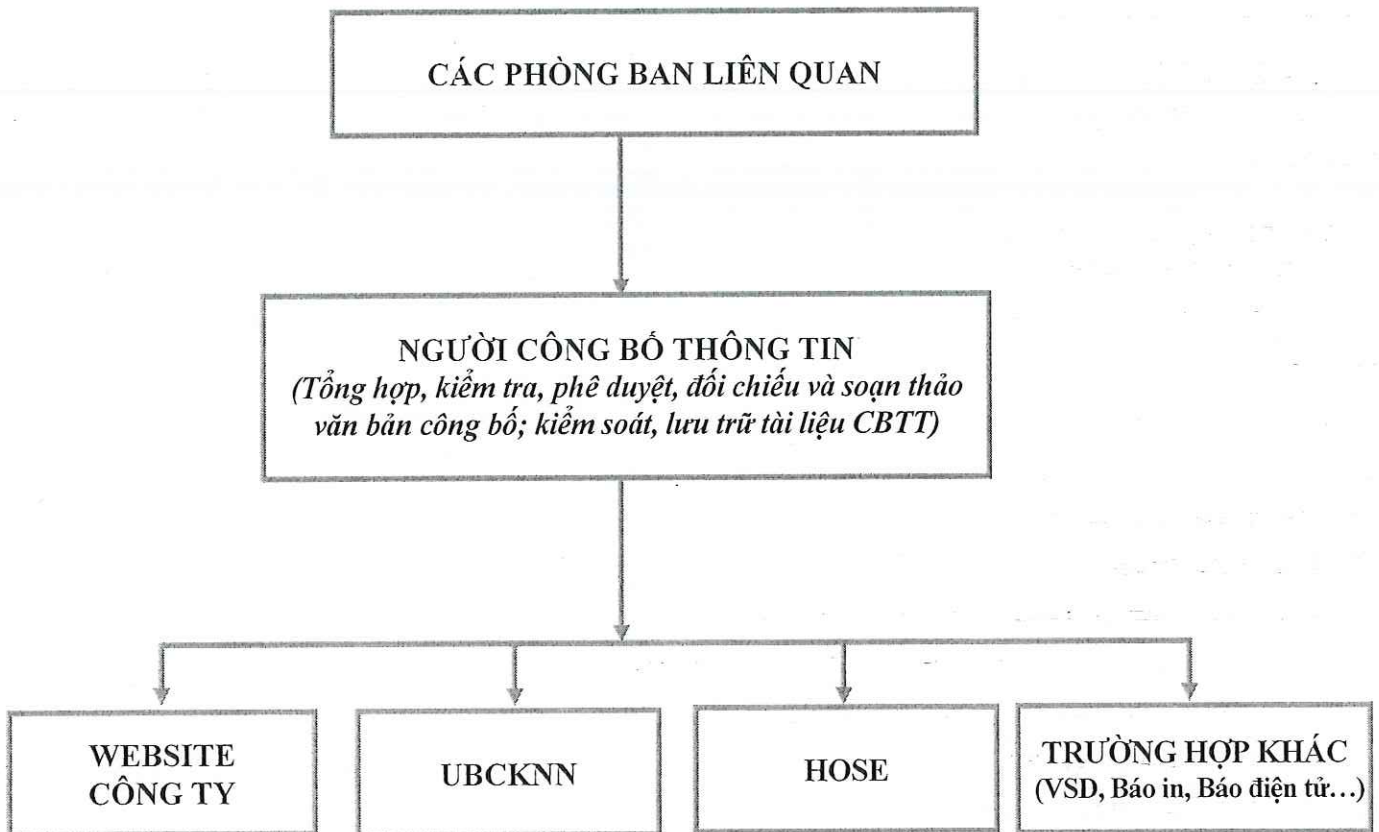
(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

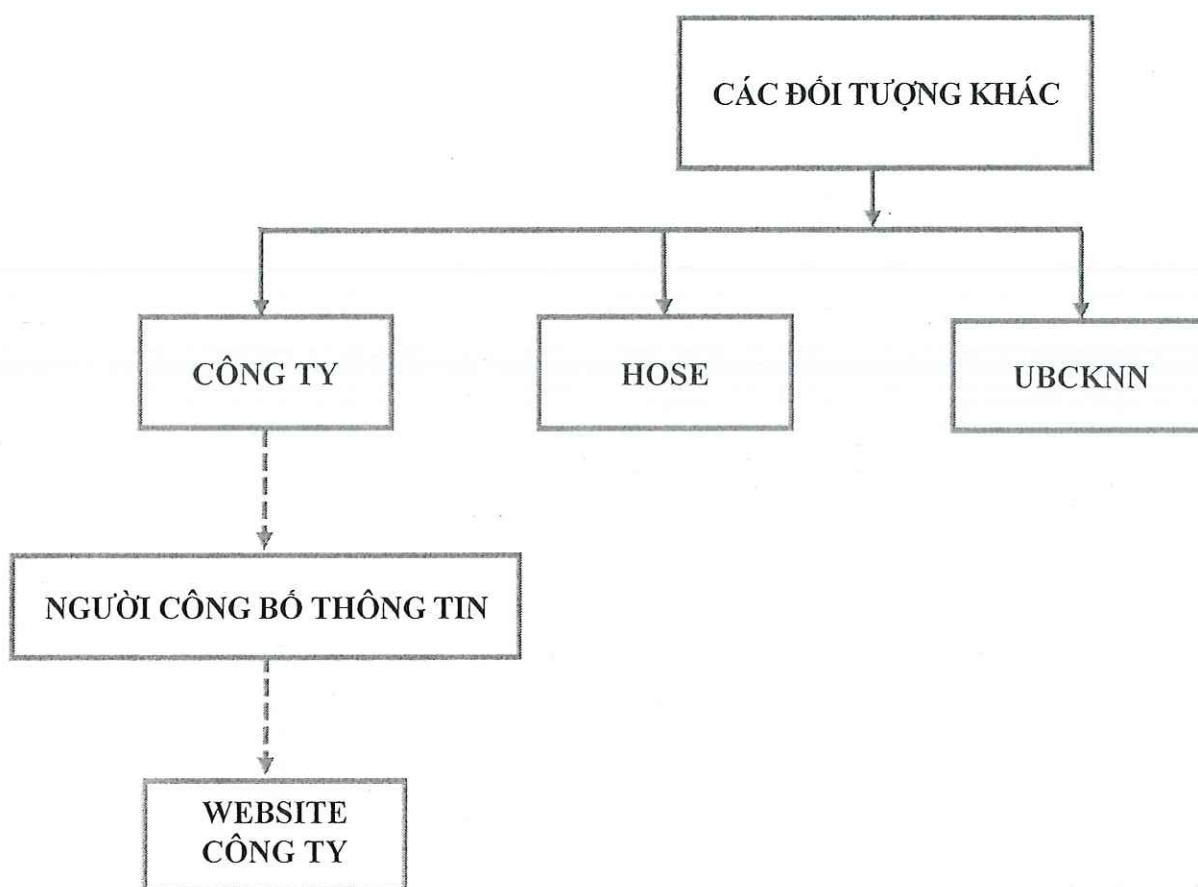
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



Ghi chú: ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HOSE

- - - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác, thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này.
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

001
:ON
:OI
:VI
:HI
:AI
:IT-

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy trình này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin định kỳ phải công bố theo quy định thì phòng ban chức năng cung cấp thông tin phải cung cấp nhanh nhất có thể nhưng chậm nhất là trước ngày đến hạn công bố thông tin theo quy định 01 (một) ngày làm việc.
4. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 2 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
5. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy trình, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy trình này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy trình thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy trình này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- Lưu VPCT;
- Website, BKS;
- HĐQT./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN BẢO LONG

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	PHÒNG BAN CÓ LIÊN QUAN CUNG CẤP THÔNG TIN
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1. Báo cáo tài chính				
	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính quý. - Và Văn bản giải trình (nếu có phát sinh tại mục 1.4). 	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Phòng Quản lý tài chính
1.1	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có). - Và Văn bản giải trình (nếu có phát sinh tại mục 1.4). 	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc quý	Phòng Quản lý tài chính
1.2	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính Bán niên đã được soát xét. - Và Văn bản giải trình (nếu có phát sinh tại mục 1.4). 	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	05 ngày kể từ ngày Tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Phòng Quản lý tài chính
1.3	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. - Và Văn bản giải trình (nếu có phát sinh tại mục 1.4). 	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	10 ngày kể từ ngày Tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phòng Quản lý tài chính
1.4	<p>Chú ý khi CBTT Báo cáo tài chính phải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. d) Văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố; e) Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra kết luận soát xét không phải là kết luận soát xét chấp nhận toàn 	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Phòng Quản lý tài chính

	<p>phản đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin về kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC.</p> <p>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là công ty mẹ nên phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện nêu trên trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của công ty và báo cáo tài chính hợp nhất.</p>			
2.	Báo cáo thường niên			
	Báo cáo thường niên	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Chậm nhất 20 ngày sau ngày CBTT Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tất cả các phòng ban gồm: Phòng Quản lý tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật xây dựng, Tổ thư ký
3	Báo cáo tình hình quản trị Công ty			
3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm	Tất cả các phòng ban gồm: Phòng Quản lý tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật xây dựng, Tổ thư ký
3.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm theo Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm	Tất cả các phòng ban gồm: Phòng Quản lý tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật xây dựng, Tổ thư ký
3.3	Bản cung cấp thông tin về Quản trị Công ty theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 Quy chế công bố thông tin kèm Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM: <ul style="list-style-type: none"> - 1 Bản báo cáo; - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel; - Báo cáo theo links của Hose. 	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm. - Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm 	Tất cả các phòng ban gồm: P. Quản lý tài chính, P. Kinh doanh, P. Tổ chức hành chính, Tổ thư ký
4	Đại hội đồng cổ đông			

4.1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Tối thiểu 20 ngày trước ngày ĐKCC	Tổ thư ký
4.2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Tất cả các phòng ban gồm: P. Quản lý tài chính, P. Kinh doanh, P. Tổ chức hành chính, Tổ thư ký
4.3	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ và bộ Tài liệu thông qua tại Đại hội. <i>(Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn)</i>	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Tổ thư ký

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

1	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
1.1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Tối thiểu 10 ngày trước ngày ĐKCC	Tổ thư ký
1.2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.	Trước thời hạn CBTT ít nhất 1 ngày làm việc	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Tổ thư ký
1.3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ <i>(Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn).</i>	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Tổ thư ký
2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ (Mẫu Phụ lục III kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK)	Phòng TCHC, Tổ thư ký
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký

	hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.			
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
8	Trường hợp công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), công ty thay đổi loại Báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp (tổ chức lại doanh nghiệp theo điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC) thì ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định , tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ Phụ lục IV kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK.	Tổ thư ký
9	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
10	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký

11	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Kinh doanh, Tổ thư ký
12	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ (Mẫu Phụ lục V kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK)	Tổ thư ký
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ (Mẫu Phụ lục I kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK)	Phòng TCHC, Tổ thư ký
	Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ (Mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC)	Tổ thư ký
14	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của Người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của Người nội bộ theo mẫu Phụ lục II kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ (Mẫu Phụ lục II kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK)	Tổ thư ký
15	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng kinh doanh, Tổ thư ký

16	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
17	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC; Tổ thư ký
18	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
19	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
20	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
21	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
22	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
23	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Kinh doanh, Tổ thư ký
24	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ	Tổ thư ký
25	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trước thời hạn CBTT 1 ngày	trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Phòng QLTC

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

1	Công ty đại chúng phải công bố thông tin, khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGĐCK	Tổ thư ký
---	--	------------------------------------	---	-----------

	đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.			
IV. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐKCC THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCKHCM đồng thời CBTT về ngày ĐKCC dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và Tài liệu có liên quan.	12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Chậm nhất 20 ngày trước ngày ĐKCC dự kiến (Thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Tổ thư ký
		12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Chậm nhất 10 ngày trước ngày ĐKCC dự kiến (Thực hiện các quyền khác)	Tổ thư ký
2	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCKHCM (Hose) các tài liệu sau: a. Một bản tóm tắt sổ cổ đông của Công ty tại Ngày ĐKCC để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 ; b. Một bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền	Trước thời hạn CBTT 1 ngày	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐKCC	Tổ thư ký
V. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.		Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Tổ thư ký
2	Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.		Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Tổ thư ký
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.		Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Tổ thư ký

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTĐC phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII** ban hành kèm theo **Thông tư 96/2020/TT-BTC** trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN, SGDCK theo **Phụ lục VIII** ban hành kèm theo **Thông tư 96/2020/TT-BTC** trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

- Người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên** hoặc giá trị giao dịch dự kiến **trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá** (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc

được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là **03 ngày làm việc**, NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu-theo **Phụ lục XIII** ban hành kèm theo **Thông tư 96/2020/TT-BTC**.
 - Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá **30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).
- Ghi chú: NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó, và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*
- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV** ban hành kèm theo **Thông tư 96/2020/TT-BTC**, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB và NCLQ của NNB là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại mục 2 nêu trên đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại mục 1 (Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết) thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với NNB và NCLQ.
- NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của công ty đại chúng thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.
- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB.

